

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ

Số: 1495/2017/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 5 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định, nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-BKHĐT-BTC của liên bộ Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo;

Căn cứ Công văn số 212/CV-HĐND ngày 05/4/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành tạm thời quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2017;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 1339/TTr-SLĐTBXH ngày 03/5/2017 và của Giám đốc Sở Tư pháp tại Báo cáo số 125/BCTĐ-STP ngày 25/4/2017.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký. Quyết định này hết hiệu lực thi hành khi Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2017 - 2020.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ban Dân tộc, Thông tin và Truyền thông, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 QĐ;
- Bộ Lao động - TBXH (để b/c);
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Lưu:VT, VXBTHS2

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Đăng Quyền

QUY ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa
(Ban hành kèm theo Quyết định số: ~~1495~~ 1495/2017/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành và các huyện, thị xã, thành phố sử dụng kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020; Tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn ngân sách trung ương thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017

- Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 phải tuân thủ các quy định của Luật đầu tư công, Luật ngân sách nhà nước phù hợp với các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp CTMTT quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

- Đối với dự án thành phần và các chính sách Trung ương đã quy định nội dung, định mức, kinh phí cụ thể và cơ quan chủ trì, thực hiện theo định mức của Trung ương, thì không áp dụng tiêu chí.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa các huyện, thị xã, thành phố với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng biên giới, vùng dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng.

- Bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn vốn của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác thực hiện Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn thực hiện Chương trình, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Chương II
QUY ĐỊNH TIÊU CHÍ CỤ THỂ

Điều 4. Hệ số điểm của từng tiêu chí cho từng dự án

1. Dự án 1: Chương trình 30a

1.1. Tiêu dự án 1: Đầu tư cơ sở hạ tầng các huyện nghèo 30a.

a) *Phạm vi và đối tượng hỗ trợ:* Các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP.

b) *Các tiêu chí cụ thể*

- Tiêu chí 1: Dân số và dân tộc thiểu số

Tiêu chí	Điểm
1. Dân số	
- Huyện có quy mô dân số dưới 5.000 hộ:	0,15
- Huyện có quy mô dân số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ:	0,17
- Huyện có quy mô dân số từ 10.000 hộ trở lên:	0,20
2. Dân tộc thiểu số	
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số dưới 5.000 hộ:	0,15
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 5.000 hộ đến dưới 10.000 hộ:	0,17
- Huyện có quy mô hộ dân tộc thiểu số từ 10.000 hộ trở lên:	0,20

- Tiêu chí 2: Tỷ lệ hộ nghèo và quy mô hộ nghèo

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 45%:	0,20
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 45% đến dưới 60%:	0,22
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 60% trở lên:	0,24
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,20
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,22
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,24

- Tiêu chí 3: Diện tích đất tự nhiên

Tiêu chí	Điểm
1. Huyện có tổng diện tích tự nhiên dưới 50.000 ha:	0,10
2. Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 50.000 ha đến dưới 100.000 ha:	0,12
3. Huyện có tổng diện tích tự nhiên từ 100.000 ha trở lên:	0,14

- Tiêu chí 4: Đơn vị hành chính và huyện có xã biên giới

Tiêu chí	Điểm
1. Đơn vị hành chính	
- Huyện có số xã dưới 10 xã:	0,10
- Huyện có số xã từ 10 đến dưới 20 xã:	0,12
- Huyện có số xã từ 20 xã trở lên:	0,14
2. Huyện có xã biên giới	
- Huyện có số xã biên giới dưới 5 xã:	0,10
- Huyện có số xã biên giới từ 5 xã đến dưới 10 xã:	0,12
- Huyện có số xã biên giới từ 10 xã trở lên:	0,14

c) Định mức phân bổ

- Vốn đầu tư phát triển:

Tổng vốn đầu tư cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X

Trong đó:

A: Định mức vốn bình quân cho một điểm (Bảng tổng vốn giao chia cho tổng số điểm hệ số của tỉnh).

X: Tổng điểm theo 04 nhóm tiêu chí của huyện (điểm theo dân số + điểm theo dân tộc thiểu số + điểm theo tỷ lệ hộ nghèo + điểm theo quy mô hộ nghèo + điểm theo diện tích đất tự nhiên + điểm theo số đơn vị hành chính + điểm theo số xã biên giới).

- Kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,3% vốn đầu tư phát triển của huyện đó (Trung ương đã quy định mức).

1.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

a) Phạm vi và đối tượng hỗ trợ: Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

b) Các tiêu chí cụ thể: Thuộc danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020.

c) Định mức phân bổ

- Vốn đầu tư: 1.000 triệu đồng/xã/năm (Trung ương quy định).

- Vốn sự nghiệp: Duy tu bảo dưỡng công trình: 6,3% tổng vốn đầu tư/năm. (Trung ương quy định)

1.3. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 30a, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

a) Phạm vi hỗ trợ

+ Các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;

+ Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đối tượng hỗ trợ

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số và phụ nữ thuộc hộ nghèo;

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư trên địa bàn;

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan;

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về...thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ

(1) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo 30a.

- Tiêu chí: Thực hiện theo các tiêu chí được quy định tại Dự án 1. Chương trình 30a nêu trên.

- Định mức:

Vốn sự nghiệp cho phát triển sản xuất cho một huyện nghèo theo Nghị quyết 30a = A x X.

A: Định mức bình quân cho 01 huyện được tính bằng tổng kinh phí cho phát triển sản xuất trừ đi kinh phí thực hiện các nội dung (nhân rộng mô hình và các chương trình, dự án của cơ quan cấp tỉnh thực hiện) chia cho tổng hệ số của các huyện nghèo 30a.

X: Tổng hệ số theo 04 nhóm chỉ tiêu của huyện (điểm theo dân số + điểm theo dân tộc thiểu số + điểm theo tỷ lệ hộ nghèo và điểm theo quy mô hộ nghèo + điểm theo diện tích đất tự nhiên + điểm theo số đơn vị hành chính và điểm theo số xã biên giới).

(2) Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo.

- Tiêu chí: Là xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020.

- Định mức: 300 triệu đồng/xã/năm (Trung ương quy định mức).

(3) Nhân rộng mô hình giảm nghèo.

Căn cứ nguồn kinh phí Trung ương phân bổ hàng năm; căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, lựa chọn danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể cho từng địa bàn huyện nghèo 30a và xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo, trình UBND tỉnh phê duyệt.

1.4. Tiểu dự án 4: Hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

a) Phạm vi hỗ trợ

- + Các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP;
- + Các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020;

b) Đối tượng hỗ trợ

Lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số, lao động cư trú dài hạn trên địa bàn các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo; ưu tiên đối tượng lao động là thanh niên chưa có việc làm, đặc biệt là thanh niên thuộc hộ dân tộc thiểu số nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ:

- Cấp tỉnh: Cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan liên quan xây dựng cụ thể nội dung, nhiệm vụ thực hiện Chương trình năm 2017 trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Cấp huyện:

+ Tiêu chí phân bổ

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Số xã thụ hưởng dự án	
- Mỗi xã được thụ hưởng chính sách	0,30

+ Định mức phân bổ

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện (bằng Tổng kinh phí - kinh phí cấp tỉnh thực hiện chia cho tổng hệ số của các huyện thuộc dự án).

+ X: Tổng các hệ số 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã thụ hưởng chính sách)

2. Dự án 2: Chương trình 135

2.1. Tiêu dự án 1: Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

a) Đối với các thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc (các xã khu vực I, II) áp dụng định mức 200 triệu đồng/thôn, bản/năm, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg ngày 05/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối với các xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III):

- Các tiêu chí cụ thể:

Tiêu chí	Điểm
1. Tiêu chí về thôn, bản đặc biệt khó khăn (H1):	
- Xã có 8 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở xuống:	5
- Xã có 9 thôn, bản đặc biệt khó khăn:	6
- Xã có từ 10 thôn, bản đặc biệt khó khăn trở lên:	7
<i>Xã khu vực III, xã biên giới theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách xã ĐBKK, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của Chương trình 135; Thôn, bản đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn bản đặc biệt khó khăn vào diện đầu tư của Chương trình 135 năm.</i>	
2. Tiêu chí về tỷ lệ hộ nghèo các xã đặc biệt khó khăn (H2):	
- Thấp hơn tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0
- Từ 01 lần đến 1,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,02
- Từ 1,5 lần đến 2,0 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,03
- Từ 2,0 lần đến 2,5 lần so với tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,04
- Cao hơn 2,5 lần mức tỷ lệ chung của cả tỉnh:	0,05
<i>Tỷ lệ hộ nghèo của xã ĐBKK để tính toán hệ số được xác định căn cứ vào quyết định của UBND tỉnh phê duyệt về số liệu điều tra, rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020.</i>	
3. Tiêu chí về tỷ lệ hộ dân tộc thiểu số (H3)	
- Dưới 70%:	0,03
- Từ 70% - 90%:	0,04
- Trên 90%:	0,05

- Xác định vốn phân bổ: $X = (M/N) \times Y$

Trong đó:

+ X: Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III).

+ Y: là tổng hệ số các nội dung: $Y = H1 \times (1 + H2 + H3)$.

+ N: là tổng hệ số các hệ số xã KV III toàn tỉnh cộng lại.

+ *M*: là tổng vốn đầu tư phát triển.

c) Đối với kinh phí sự nghiệp duy tu bảo dưỡng của từng huyện: bằng 6,9% vốn đầu tư phát triển của huyện đó.

2.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn

a) Thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc các xã khu vực I, II áp dụng định mức 50 triệu đồng/thôn, bản/năm, đảm bảo theo quy định tại Quyết định số 101/2009/QĐ-TTg ngày 05/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Xã đặc biệt khó khăn (xã khu vực III):

Áp dụng như các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đối với xã đặc biệt khó khăn thực hiện Tiểu dự án 1 thuộc Dự án 2 - Chương trình 135 nêu trên.

Tổng vốn hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế (*M*) được tính Bằng tổng kinh phí cho phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trừ đi kinh phí thực hiện các nội dung (nhân rộng mô hình và các chương trình, dự án do cơ quan cấp tỉnh thực hiện).

c) Nhân rộng mô hình giảm nghèo

Căn cứ nguồn kinh phí Trung ương phân bổ hàng năm; căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, lựa chọn danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể của các xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, trình UBND tỉnh phê duyệt.

2.3. Tiểu Dự án 3: Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu; thôn bản đặc biệt khó khăn.

Căn cứ nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, yêu cầu nhiệm vụ năm 2017 để xây dựng hoạt động nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở trên địa bàn của cấp tỉnh.

3. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135

a) Phạm vi hỗ trợ

Các xã không thuộc Chương trình 30a và Chương trình 135.

b) Đối tượng hỗ trợ

+ Người lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, ưu tiên hộ nghèo dân tộc thiểu số, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

+ Nhóm hộ, cộng đồng dân cư.

+ Tổ chức và cá nhân có liên quan.

+ Tạo điều kiện để người lao động là đối tượng sau cai nghiện ma túy, đối tượng nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị mua bán trở về... thuộc hộ nghèo được tham gia dự án.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ

Gồm 02 nội dung:

*** Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế**

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 30%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 30% đến dưới 50%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 50% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính	
Một xã tính:	0,10

Xác định vốn:

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện (Bảng tổng kinh phí dự án trừ kinh phí cho nội dung nhân rộng mô hình giảm nghèo).

+ X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + đơn vị hành chính).

*** Nhân rộng mô hình giảm nghèo**

Căn cứ nguồn kinh phí Trung ương phân bổ hàng năm; căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan thẩm định, lựa chọn danh mục các mô hình được hỗ trợ cụ thể của các xã nằm ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, trình UBND tỉnh phê duyệt.

4. Dự án 4: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

a) Phạm vi hỗ trợ:

Hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên các vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- + Các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Thông tin và Truyền thông,
- + Cán bộ, người dân, cộng đồng dân cư và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ:

** Đối với cấp tỉnh:*

Cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan liên quan xây dựng cụ thể nội dung, nhiệm vụ triển khai thực hiện các hoạt động về truyền thông và giảm nghèo về thông tin năm 2017 trình UBND tỉnh phê duyệt.

** Đối với cấp huyện:*

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính	
Một xã tính:	0,10

- Xác định vốn:

Tổng vốn bố trí cho 01 huyện = A x X.

Trong đó:

A: Định mức bình quân cho 01 huyện. (Kinh phí được phân bổ cho cấp huyện/tổng hệ số).

X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + số xã hành chính).

5. Dự án 5: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình.

a) Phạm vi hỗ trợ:

Hỗ trợ trên phạm vi toàn tỉnh. Ưu tiên vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc miền núi.

b) Đối tượng hỗ trợ:

+ Cơ quan chủ trì Chương trình, các cơ quan chủ trì các dự án thành phần, chủ trì nội dung trong các dự án thành phần các cấp và cán bộ được phân công phụ trách và tổ chức thực hiện công tác giám sát, đánh giá.

+ Cán bộ làm công tác giảm nghèo các cấp, ưu tiên nâng cao năng lực cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số.

c) Tiêu chí và định mức phân bổ

* Đối với cấp tỉnh: Phân bổ 70% tổng kinh phí của Dự án.

Cơ quan chủ trì dự án và các cơ quan liên quan xây dựng cụ thể nội dung, nhiệm vụ tập huấn nâng cao năng lực và giám sát đánh giá thực hiện Chương trình năm 2017 trình UBND tỉnh phê duyệt.

* Đối với cấp huyện: Phân bổ 30% tổng kinh phí của Dự án.

- Tiêu chí

Tiêu chí	Điểm
1. Tỷ lệ hộ nghèo	
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo dưới 10%:	0,50
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 10% đến dưới 25%:	0,55
- Huyện có tỷ lệ hộ nghèo từ 25% trở lên:	0,60
2. Quy mô hộ nghèo	
- Huyện có quy mô hộ nghèo dưới 4.000 hộ:	0,50
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 4.000 hộ đến dưới 6.000 hộ:	0,60
- Huyện có quy mô hộ nghèo từ 6.000 hộ trở lên:	0,70
3. Tiêu chí về đơn vị hành chính	
Một xã tính:	0,10

- Xác định vốn:

$$\text{Tổng vốn bố trí cho 01 huyện} = A \times X.$$

Trong đó:

+ A: Định mức bình quân cho 01 huyện.

+ X: Tổng các hệ số theo 03 tiêu chí (tỷ lệ hộ nghèo + quy mô hộ nghèo + tiêu chí đơn vị hành chính).

Điều 5. Căn cứ để xác định tiêu chí

- Tiêu chí Dân số và dân tộc thiểu số và Tiêu chí Tỷ lệ hộ nghèo và Quy mô hộ nghèo để tính hệ số được xác định căn cứ vào kết quả Tổng điều tra rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020 đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Tiêu chí Diện tích đất tự nhiên của huyện để tính toán điểm được xác định theo số liệu diện tích đất tự nhiên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

- Tiêu chí đơn vị hành chính: Đơn vị hành chính để tính toán điểm được xác định theo số liệu đơn vị hành chính cấp xã tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 theo công bố của Cục Thống kê tỉnh.

- Tiêu chí về địa bàn thực hiện của các dự án:

+ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giải đoạn 2016-2020;

+ 07 huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ

+ Các thôn, xã đặc biệt khó khăn, xã thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016-2020 được đề nghị công nhận tại Tờ trình số 188/TTr-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

Điều 6. Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương

Ngoài nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách trung ương, căn cứ vào tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách, UBND tỉnh đảm bảo bố trí vốn từ ngân sách địa phương mức độ tối thiểu bằng 10% tổng ngân sách Trung ương hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững để thực hiện Chương trình.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Sở Kế hoạch và Đầu tư

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, chủ các dự án thành phần xây dựng và tổng hợp phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển chi tiết cho từng chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Chủ trì, tổng hợp phương án phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước trung hạn năm 2017 và trong giai đoạn 2016 - 2020 để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các sở, ngành, địa phương theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này, gửi Sở Tài chính tổng hợp chung vào Kế hoạch tài chính 5 năm và dự toán ngân sách nhà nước hằng năm, trình cấp có thẩm quyền quyết định. Việc phân bổ nguồn vốn đầu tư phát triển phải được lồng ghép nguồn lực để thực hiện các Chương trình, Đề án, Nghị quyết do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành nếu có cùng nội dung, nhiệm vụ và mục tiêu tương ứng.

Điều 8. Sở Tài chính

1. Chủ trì thẩm định, tổng hợp phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 của các sở, ban, ngành và UBND các huyện theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này; đề xuất phương án cân đối nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 cho Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

2. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 và nguồn vốn đối ứng của tỉnh để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững của các sở, ngành, địa phương theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này. Việc phân bổ kinh phí phải được lồng ghép nguồn lực để thực hiện các Chương

trình, Đề án, Nghị quyết do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh ban hành nếu có cùng nội dung, nhiệm vụ và mục tiêu tương ứng.

Điều 9. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo nhiệm vụ được giao, đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Căn cứ nhu cầu thực tế của các huyện nghèo và nguồn vốn ngân sách trung ương cân đối hàng năm, chủ trì phối hợp với các cơ quan phân bổ kinh phí thực hiện các nội dung hỗ trợ nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Tiểu dự án 3 - Dự án 1, Chương trình 30a; Tiểu dự án 2 - Dự án 2, Chương trình 135; Dự án 3, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

3. Trực tiếp triển khai thực hiện các nội dung thuộc Tiểu dự án 4 - Dự án 1, Chương trình 30a; nội dung hoạt động truyền thông về giảm nghèo - Dự án 4, Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; Dự án 5, Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình.

4. Phối hợp với Ban Dân tộc tỉnh tính toán lại điểm số cho các xã ĐBKK thuộc Chương trình 135 khi cấp thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt danh sách các xã ĐBKK, thôn, bản ĐBKK vào diện đầu tư của Chương trình 135 các năm tiếp theo.

5. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 được giao quản lý.

Điều 10. Ban Dân tộc tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND cấp huyện xây dựng phương án phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình 135 theo đúng nguyên tắc, tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này.

2. Trực tiếp triển khai thực hiện Tiểu dự án 3 - Chương trình 135, Nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ cơ sở các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, các thôn, bản đặc biệt khó khăn.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 được giao quản lý.

Điều 11. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án phân bổ kế hoạch kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 thực hiện các dự án thành phần do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phụ trách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2017 được giao quản lý.

Điều 12. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng phương án phân bổ kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 thực hiện dự án thành phần do Sở Thông tin và Truyền thông phụ trách thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020.

2. Trực tiếp triển khai thực hiện nội dung hoạt động giảm nghèo về thông tin – Dự án 4, Truyền thông và giảm nghèo về thông tin.

3. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững năm 2017 được giao quản lý.

Điều 13. Các sở, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan

1. Cung cấp cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông tin, số liệu thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách phục vụ cho việc xây dựng các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách nhà nước thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các hoạt động trong các dự án thành phần thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 liên quan đến lĩnh vực do sở, ngành, cơ quan, tổ chức quản lý.

Điều 14. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Lập kế hoạch vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng các nguyên tắc tiêu chí và định mức quy định tại Quyết định này. Đối với các nội dung giao UBND xã làm chủ đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ cho xã để triển khai thực hiện.

2. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán về tính chính xác các thông tin, số liệu và mức vốn phân bổ cho các dự án trong kế hoạch đầu tư phát triển và sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước năm 2017 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2016 - 2020 của huyện, thành phố quản lý./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đăng Quyền